
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-4
Báo cáo kết quả công tác soát xét	5-6
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	7-38
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	7-10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12-13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	14-38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần cà phê Thương Phú trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được soát xét bao gồm báo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần cà phê Thương Phú và công ty con.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần cà phê Thương Phú được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200474316 ngày 25 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 09 lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 09 ngày 28 tháng 5 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 09: 109.999.980.000 đồng.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Bản Kiến Xương, xã Phong Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam
Điện thoại : 0212 374 8333
Email : thuongphuqt@gmail.com
Website : <http://www.thuongphu.com.vn/>
Mã số thuế : 3 2 0 0 4 7 4 3 1 6

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 38).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Võ Văn Thắng	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Thủy	Ủy viên	
Ông Nguyễn Xuân Thủy	Ủy viên	
Ông Hồ Văn Tiến	Ủy viên	
Ông Võ Thanh Việt	Ủy viên	Bổ nhiệm nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Bá Nam	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Trần Ngọc Lan	Trưởng ban
Ông Võ Văn Long	Thành viên
Ông Võ Ngọc Bằng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Hữu Ái	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phương Nam	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong từng kỳ kê toán. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban lãnh đạo phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập và trình bày BCTC hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC hợp nhất giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày BCTC hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cam kết khác

Ban lãnh đạo cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Sơn La, ngày 23 tháng 8 năm 2018,

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Ái

Số : 1207.01.02/2018/BCTC-NVT2
Ngày : 23 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần cà phê Thương Phú

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần cà phê Thương Phú, được lập ngày 23 tháng 8 năm 2018 từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần cà phê Thương Phú chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trụ Sở Chính:

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của đơn vị 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNTK số: 1690-2018-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bàn Kiến Xương, Xã Phông Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		91.505.050.356	133.929.037.204
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.265.082.447	5.285.630.363
1. Tiền	111		1.265.082.447	5.285.630.363
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.132.635.820	79.672.144.412
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	6.685.000.000	24.701.000.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	22.447.635.820	39.905.669.320
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	2.780.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	3.000.000.000	12.285.475.092
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	57.525.846.487	48.187.459.811
1. Hàng tồn kho	141		57.767.822.446	48.187.459.811
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(241.975.959)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		581.485.602	783.802.618
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	17.800.993	83.931.159
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		563.684.609	699.871.459
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phổng Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		79.067.527.478	38.203.528.704
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		25.598.705.851	27.952.318.563
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	25.598.705.851	27.952.318.563
<i>Nguyên giá</i>	222		37.683.596.756	38.502.114.938
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(12.084.890.905)	(10.549.796.375)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		39.500.000.000	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	39.500.000.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		10.500.000.000	6.700.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.9	10.500.000.000	6.700.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.468.821.627	3.551.210.141
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	3.468.821.627	3.551.210.141
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		170.572.577.834	172.132.565.908

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phông Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		42.375.467.437	33.226.730.810
I. Nợ ngắn hạn	310		42.348.685.269	33.108.889.269
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	14.101.203.530	313.093.040
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	2.399.769.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	396.364	1.261.324.498
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	19.676.604	24.917.212
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	14.214.084	26.802.403
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	23.784.562.510	26.569.686.817
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	4.428.632.177	2.513.296.299
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		26.782.168	117.841.541
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		26.782.168	117.841.541
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bàn Kiến Xương, Xã Phong Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		128.197.110.397	138.905.835.098
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	128.197.110.397	138.905.835.098
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		109.999.980.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		109.999.980.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.428.632.177	2.513.296.299
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.814.753.871	34.428.703.485
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		20.598.051.729	15.275.344.709
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(8.783.297.858)	19.153.358.776
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.953.744.349	1.963.835.314
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		170.572.577.834	172.132.565.908

Người lập biểu

Phạm Thái Hà

Kế toán trưởng

Phạm Thái Hà

Lập, ngày 23 tháng 8 năm 2018



Tổng Giám đốc

Nguyễn Hữu Ái

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bàn Kiến Xương, Xã Phong Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	58.608.768.392	133.744.428.187
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		58.608.768.392	133.744.428.187
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	64.335.477.365	117.354.528.326
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(5.726.708.973)	16.389.899.861
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	48.787.238	65.437.551
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	873.156.244	701.974.424
Trong đó: chi phí lãi vay	23		649.217.683	596.126.090
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	565.715.235	737.159.515
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	1.573.916.457	1.001.226.489
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(8.690.709.671)	14.014.976.984
12. Thu nhập khác	31	VI.7	412.000	-
13. Chi phí khác	32	VI.8	194.150.525	2.475.000
14. Lợi nhuận khác	40		(193.738.525)	(2.475.000)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(8.884.448.196)	14.012.501.984
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	-	710.295.715
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(91.059.373)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(8.793.388.823)	13.302.206.269
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(8.783.297.858)	13.300.973.888
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(10.090.965)	1.232.381
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(798)	1.088

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 23 tháng 8 năm 2018

Tổng Giám đốc



Phạm Thái Hà

Phạm Thái Hà

Nguyễn Hữu Ái

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bán Kiến Xương, Xã Phông Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(8.884.448.196)	14.012.501.984
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.690.190.439	1.495.619.304
- Các khoản dự phòng	03		241.975.959	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		153.644.265	68.715.882
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		141.870.679	(3.789.967)
- Chi phí lãi vay	06		649.217.683	596.126.090
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(6.007.549.171)	16.169.173.293
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		23.146.617.452	(1.873.368.568)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.580.362.635)	(15.639.139.189)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		11.146.285.847	(7.845.485)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		148.518.680	(28.390.437)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(654.458.291)	(642.406.054)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.122.520.183)	(397.939.624)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		17.076.531.699	(2.419.916.064)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(15.167.000.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		788.511.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.800.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20.177.957	3.789.967
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(18.158.311.043)	3.789.967

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bàn Kiến Xương, Xã Phông Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		36.396.091.620	18.559.917.715
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(39.334.860.192)	(20.109.050.760)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.938.768.572)	(1.549.133.045)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(4.020.547.916)	(3.965.259.142)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	5.285.630.363	8.892.244.475
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	1.265.082.447	4.926.985.333

Người lập biểu

Phạm Thái Hà

Kế toán trưởng

Phạm Thái Hà

Lập, ngày 23 tháng 8 năm 2018



Nguyễn Hữu Ái

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bàn Kiến Xương, Xã Phông Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** Sản xuất và thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh**
 - Sản xuất, chế biến hàng nông, lâm, hải sản, cụ thể là cà phê;
 - Bán buôn sản phẩm nông nghiệp
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Cấu trúc doanh nghiệp:**

Các Công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ theo Giấy CNDKK
Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam	Thôn Lập Thành, Xã Đông Xuân, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội	96,67%	96,67%

- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phông Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần cà phê Thương Phú (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bàn Kiến Xương, Xã Phông Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê, Bất động sản đầu tư

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08-10
Máy móc, thiết bị	08-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08
Tài sản cố định khác	08

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phông Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, trích lập các quỹ, chia cổ tức

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

b) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bán Kiên Xương, Xã Phông Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên thu nhập tính thuế áp dụng cho doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn có điều kiện khó khăn theo quy định. Công ty được miễn thuế TNDN trong 05 năm từ năm 2010 đến năm 2014, và giảm 50% số thuế TNDN trong 09 năm tiếp theo quy định tại khoản 1 điều 11 và khoản 1 điều 12 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015.

15. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phồng Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

16. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bàn Kiến Xương, Xã Phông Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.228.192.005	1.416.152.114
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	36.890.442	3.869.478.249
Cộng	1.265.082.447	5.285.630.363

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các khách hàng khác	6.685.000.000	-	24.701.000.000	-
Công ty Cổ phần Cà phê Tây Bắc	6.685.000.000	-	15.251.000.000	-
Công ty gia vị Hà Nội	-	-	9.450.000.000	-
Cộng	6.685.000.000	-	24.701.000.000	-

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Trả trước cho người bán khác	22.447.635.820	-	39.905.669.320	-
Ông Hoàng Văn Dũng	3.481.812.500	-	6.749.000.000	-
Ông Hồ Văn Kiên	-	-	10.927.000.000	-
Ông Trần Thanh Phong	3.040.500.000	-	4.929.600.000	-
Ông Nguyễn Xuân Thao	5.104.223.320	-	6.038.858.320	-
Công ty Cổ phần Cà phê Tây Bắc	10.821.100.000	-	10.821.100.000	-
Các nhà cung cấp khác	-	-	440.111.000	-
Cộng	22.447.635.820	-	39.905.669.320	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bàn Kiến Xương, Xã Phông Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	3.000.000.000	-	11.700.000.000	-
Phải thu về tạm ứng ban lãnh đạo	3.000.000.000	-	11.700.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	-	585.475.092	-
Phải thu về hoàn thuế GTGT	-	-	585.475.092	-
Cộng	3.000.000.000	-	12.285.475.092	-

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.649.000.000	-	11.060.975.063	-
Công cụ, dụng cụ	174.293.925	-	141.015.715	-
Thành phẩm	55.944.528.521	(241.975.959)	36.985.469.033	-
Cộng	57.767.822.446	(241.975.959)	48.187.459.811	-

6. Chi phí trả trước

a) Ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.503.783	53.268.431
Chi phí bảo hiểm, quan trắc môi trường	3.297.210	30.662.728
Phí quản lý niêm yết	10.000.000	-
Cộng	17.800.993	83.931.159

b) Dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí chuẩn bị mặt bằng nhà xưởng 13.151m ² của nhà máy ở Quảng Trị	3.224.800.078	3.267.813.343
Chi phí Công cụ dụng cụ	56.122.565	42.029.041
Chi phí sửa chữa nhà máy	187.898.984	241.367.757
Cộng	3.468.821.627	3.551.210.141

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bàn Kiến Xương, Xã Phong Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá	17.136.325.120	16.166.617.091	4.797.172.727	402.000.000	38.502.114.938
Số đầu năm	-	215.454.545	-	-	215.454.545
Mua trong kỳ	-	-	(1.033.972.727)	-	(1.033.972.727)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	3.763.200.000	402.000.000	37.683.596.756
Số cuối kỳ	17.136.325.120	16.382.071.636	3.763.200.000	402.000.000	37.683.596.756
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>					
Giá trị hao mòn	3.735.666.693	5.596.484.005	953.729.924	263.915.753	10.549.796.375
Số đầu năm	570.527.483	824.511.364	270.026.592	25.125.000	1.690.190.439
Khấu hao trong kỳ	-	-	(155.095.909)	-	(155.095.909)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.068.660.607	289.040.753	12.084.890.905
Số cuối kỳ	4.306.194.176	6.420.995.369	1.068.660.607	289.040.753	12.084.890.905
Giá trị còn lại	13.400.658.427	10.570.133.086	3.843.442.803	138.084.247	27.952.318.563
Số đầu năm	12.830.130.944	9.961.076.267	2.694.539.393	112.959.247	25.598.705.851
Số cuối kỳ	12.830.130.944	9.961.076.267	2.694.539.393	112.959.247	25.598.705.851

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 15.521.699.369 VND và 8.231.308.589 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phong Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là giá trị dự án nhà xưởng sản xuất cà phê bao gồm đất và các tài sản trên đất như nhà xưởng, máy móc, thiết bị tại Bản Kiến Xương, xã Phong Lái, huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La. Đơn vị nhận chuyển nhượng từ ông Hồ Văn Kiệt theo hợp đồng Mua bán nhà xưởng sản xuất số 2711/2017/HĐMB, giá trị hợp đồng là 39.500.000.000 VND.

9. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần cà phê Avina (a)	10.500.000.000	-	6.700.000.000	-
Cộng	10.500.000.000	-	6.700.000.000	-

(a): Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần cà phê Avina theo nghị quyết số 46/2017/NQ-HDQT ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Hợp đồng góp vốn đầu tư số 0708/HĐGV ngày 17 tháng 8 năm 2017, tổng giá trị đầu tư là 10.500.000.000 VND, tương đương 7% vốn điều lệ.

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp khác	14.101.203.530	313.093.040
Ông Hồ Văn Kiệt	13.573.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	528.203.530	313.093.040
Cộng	14.101.203.530	313.093.040

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Bù trừ tiền hoàn thuế GTGT	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	64.352.628	-	(63.956.264)	396.364
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.223.012.639	-	(1.122.520.183)	(100.492.456)	-
Các loại thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	38.311.859	21.313.449	(30.239.929)	(29.385.379)	-
Cộng	1.261.324.498	91.666.077	(1.158.760.112)	(193.834.099)	396.364

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Sản phẩm là hạt cà phê chi qua sơ chế thông thường bán cho các doanh nghiệp nên không phải kê khai, nộp thuế GTGT.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bàn Kiến Xương, Xã Phồng Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên thu nhập tính thuế áp dụng cho doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn có điều kiện khó khăn theo quy định. Công ty được miễn thuế TNDN trong 05 năm từ năm 2010 đến năm 2014, và giảm 50% số thuế TNDN trong 09 năm tiếp theo quy định tại khoản 1 điều 11 và khoản 1 điều 12 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí lãi vay phải trả.

13. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>14.214.084</i>	<i>26.802.403</i>
Phải trả BHXH, BHYT, BHTN	14.092.489	26.802.403
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	121.595	-
Cộng	14.214.084	26.802.403

14. Vay và nợ thuê tài chính

a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>23.784.562.510</i>	<i>23.784.562.510</i>	<i>26.569.686.817</i>	<i>26.569.686.817</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	23.784.562.510	23.784.562.510	26.569.686.817	26.569.686.817
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long (a)	3.016.000.000	3.016.000.000	3.983.500.000	3.983.500.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Thanh Trì (b)	12.905.982.510	12.905.982.510	13.356.411.300	13.356.411.300
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Sở Giao dịch	-	-	841.901.882	841.901.882
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (c)	7.862.580.000	7.862.580.000	8.387.873.635	8.387.873.635
Cộng	23.784.562.510	23.784.562.510	26.569.686.817	26.569.686.817

(a) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD11420170108 ngày 31 tháng 5 năm 2017, hạn mức tín dụng là 10.000.000.000 VND, thời gian hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng, lãi suất được ghi trên giấy đề nghị giải ngân kèm kế ước nhận nợ. Các tài sản đảm bảo của công ty bao gồm:
+ Bất động sản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 726300, Số QĐ: 2023/QĐ - UBND, Số vào sổ cấp GCN: CH00038 do ủy ban nhân dân quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội cấp ngày 16/09/2014 cho ông Nguyễn Bá Nam và bà Phi Thị Lan Phương.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bàn Kiến Xương, Xã Phông Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- + Thế chấp xe ô tô con nhãn hiệu Toyota: biển kiểm soát 74A-008.44 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 00022 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 19/01/2012, chủ sở hữu là Công ty Cổ phần Cà phê Thương Phú.
- + Tài sản gắn liền với đất là Nhà máy chế biến cà phê tại xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B1824813 do ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị cấp ngày 23/01/2013.
- + Dây chuyền sản xuất cà phê tại xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.
- + Chứng khoán thuộc sở hữu của Bà Nguyễn Thị Thủy.

(b) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Thanh Trì theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017/7927980/HĐTD ngày 28 tháng 12 năm 2017, hạn mức tín dụng 30 tỷ đồng; mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở LC; thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, căn cứ theo từng giấy nhận nợ; lãi suất cho vay căn cứ theo từng giấy nhận nợ. Hợp đồng vay bảo lãnh bằng tài sản thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam và tài sản bên thứ ba.

(c) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 82a/2017/HĐTD ngày 11 tháng 7 năm 2017, hạn mức tín dụng 8,3 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh cà phê, thời hạn vay không được vượt quá 12 tháng, thời hạn cụ thể được quy định trong khế ước nhận nợ, lãi suất cho vay được tính trên dư nợ gốc giảm dần và quy định cụ thể tại các giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản, hợp đồng ký quỹ, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh khác.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Tăng do chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	26.569.686.817	29.596.091.620	153.644.265	(32.534.860.192)	23.784.562.510
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	6.800.000.000	-	(6.800.000.000)	-
Cộng	26.569.686.817	36.396.091.620	153.644.265	(39.334.860.192)	23.784.562.510

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.513.296.299	1.915.335.878	4.428.632.177
Cộng	2.513.296.299	1.915.335.878	4.428.632.177

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phong Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của công ty mẹ	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	100.000.000.000	1.179.967.887	22.942.001.533	2.031.353.604	126.153.323.024
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	19.153.358.776	(67.518.290)	19.085.840.486
Trích lập các quỹ	-	1.333.328.412	(7.666.656.824)	-	(6.333.328.412)
Số dư cuối năm trước	100.000.000.000	2.513.296.299	34.428.703.485	1.963.835.314	138.905.835.098
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	2.513.296.299	34.428.703.485	1.963.835.314	138.905.835.098
Tăng vốn từ lợi nhuận (*)	9.999.980.000	-	(9.999.980.000)	-	-
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	(8.783.297.858)	(10.090.965)	(8.793.388.823)
Trích lập các quỹ (**)	-	1.915.335.878	(3.830.671.756)	-	(1.915.335.878)
Số dư cuối kỳ này	109.999.980.000	4.428.632.177	11.814.753.871	1.953.744.349	128.197.110.397

(*) Theo nghị quyết số 09/2018/CTPNQ-HĐQT ngày 09 tháng 01 năm 2018 thông qua việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, tổng giá trị dự kiến phát hành 1.000.000 cổ phiếu, kết quả phát hành thực tế là 999.998 cổ phiếu.

(**) Theo nghị quyết số 54B/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 6 năm 2018 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017, cụ thể:

Trích lập các quỹ	Tỷ lệ/LNST	Số tiền
Quỹ đầu tư phát triển	10%	1.915.335.878
Quỹ khen thưởng	5%	957.667.939
Quỹ phúc lợi	5%	957.667.939
Tổng	20%	3.830.671.756

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phồng Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.999.998	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.999.998	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.999.998	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.999.998	10.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán giữa niên độ

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại (USD)	530,43	1.407,66

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	27.727.273	29.538.160.526
Doanh thu bán thành phẩm	58.581.041.119	104.206.267.661
Cộng	58.608.768.392	133.744.428.187

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	27.272.727	28.605.388.400
Giá vốn của thành phẩm đã bán	64.066.228.679	88.749.139.926
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	241.975.959	-
Cộng	64.335.477.365	117.354.528.326

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, cho vay	20.177.957	3.789.967
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	28.609.281	61.647.584
Cộng	48.787.238	65.437.551

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phong Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	649.217.683	596.126.090
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	70.294.296	37.132.452
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	153.644.265	68.715.882
Cộng	873.156.244	701.974.424

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu, bao bì	201.697.950	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	326.355.038	590.663.974
Các chi phí khác	37.662.247	146.495.541
Cộng	565.715.235	737.159.515

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	844.227.165	737.774.102
Chi phí vật liệu quản lý	-	82.441.751
Chi phí đồ dùng văn phòng	44.030.076	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	235.200.000	-
Thuế, phí và lệ phí	22.171.759	6.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	334.966.414	112.209.189
Các chi phí khác	93.321.043	62.801.447
Cộng	1.573.916.457	1.001.226.489

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	412.000	-
Cộng	412.000	-

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	32.034.841	1.075.000
Lỗi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	162.048.636	1.400.000
Chi phí khác	67.048	-
Cộng	194.150.525	2.475.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bán Kiến Xương, Xã Phông Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm nay
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(8.884.448.196)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		123.525.949
- Các khoản điều chỉnh tăng		274.890.431
<i>Chi phí khấu hao xe trên 1,6 tỷ</i>		71.250.000
<i>Phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm</i>		32.034.841
<i>Chi phí không hợp lệ khác</i>		171.605.590
- Các khoản điều chỉnh giảm		(151.364.482)
<i>Giảm do hợp nhất</i>		(151.364.482)
Thu nhập chịu thuế		(8.760.922.247)
Lỗi các năm trước được chuyển		-
Thu nhập tính thuế		(8.760.922.247)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp công ty mẹ		10%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp công ty con		20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm		-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.783.297.858)	13.300.973.888
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		(1.330.097.389)
- <i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 10% LNST (*)</i>	-	(1.330.097.389)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(8.783.297.858)	11.970.876.499
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	10.999.998	10.999.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(798)	1.088

(*) Theo nghị quyết số 54B/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 6 năm 2018 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017, trong đó tỷ lệ trích quỹ khen thưởng là 5%, quỹ phúc lợi là 5% LNST.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	10.000.000	10.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát trong năm từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	999.998	999.998
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	10.999.998	10.999.998

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bàn Kiến Xương, Xã Phông Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	81.115.386.634	108.607.094.751
Chi phí nhân công	1.327.227.165	1.220.514.843
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.690.190.439	1.495.619.304
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	241.975.959	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	789.372.149	829.012.144
Chi phí khác	242.743.472	254.197.901
Cộng	<u>85.406.895.818</u>	<u>112.406.438.943</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bù trừ tiền hoàn thuế GTGT với các khoản thuế phải nộp		193.834.099
Cộng		<u>193.834.099</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phông Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Doanh nghiệp bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban lãnh đạo, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	
Tạm ứng		6.000.000.000
Thu lại tạm ứng		14.700.000.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt được thuyết minh chi tiết tại thuyết minh số V.4.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập Ban lãnh đạo	102.000.000	107.460.822

B, Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Doanh nghiệp bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Doanh nghiệp và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Doanh nghiệp và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, không có công nợ của Công ty với các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Trường hợp bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Doanh nghiệp do các hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Doanh nghiệp cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phổng Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Doanh nghiệp bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Doanh nghiệp cung cấp.

A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất;
- Lĩnh vực thương mại;

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

HH
10/10/18

MS

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bàn Kiến Xương, Xã Phong Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	58.581.041.119	27.727.273	-	58.608.768.392
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	58.581.041.119	27.727.273	-	58.608.768.392
Chi phí bộ phận	(64.308.204.638)	(27.272.727)	-	(64.335.477.365)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận				(5.726.708.973)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(2.139.631.692)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(7.866.340.665)
Doanh thu hoạt động tài chính				48.787.238
Chi phí tài chính				(873.156.244)
Thu nhập khác				412.000
Chi phí khác				(194.150.525)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				91.059.373
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(8.793.388.823)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				39.721.081.818
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				1.811.469.245
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phong Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực thương mại	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	57.525.846.487	-	-	57.525.846.487
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	113.046.731.347
Tổng tài sản				170.572.577.834
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	14.101.203.530	-	-	14.101.203.530
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	28.281.832.131
Tổng nợ phải trả				42.383.035.661
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	122.997.491.444	17.748.956.250	-	140.746.447.694
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	31.386.118.214
Tổng tài sản				172.132.565.908
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.555.193.377	-	-	2.555.193.377
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	30.671.537.433
Tổng nợ phải trả				33.226.730.810

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phông Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

B, Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Doanh nghiệp có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban lãnh đạo đã ban hành qui chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Các đối tượng nợ lâu ngày hoặc khó thu hồi, đơn vị đều có phương án trích lập dự phòng kịp thời.

Khoản phải thu khách hàng của Doanh nghiệp liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là không cao.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Doanh nghiệp được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban lãnh đạo không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Doanh nghiệp cho các cá nhân có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Doanh nghiệp gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Doanh nghiệp chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Doanh nghiệp quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phông Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	23.784.562.510	-	-	23.784.562.510
Phải trả người bán	14.101.203.530	-	-	14.101.203.530
Các khoản phải trả khác	33.890.688	-	-	33.890.688
Cộng	37.919.656.728	-	-	37.919.656.728
Số đầu năm				
Vay và nợ	26.569.686.817	-	-	26.569.686.817
Phải trả người bán	313.093.040	-	-	313.093.040
Các khoản phải trả khác	51.719.615	-	-	51.719.615
Cộng	26.934.499.472	-	-	26.934.499.472

Trình bày đánh giá về rủi ro thanh khoản.

Ban lãnh đạo cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Doanh nghiệp gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Doanh nghiệp quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Doanh nghiệp chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Doanh nghiệp quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bản Kiến Xương, Xã Phông Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro về giá hàng hóa

Doanh nghiệp có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Doanh nghiệp quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

D, Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.265.082.447	5.285.630.363	1.265.082.447	5.285.630.363
Phải thu khách hàng	6.685.000.000	24.701.000.000	6.685.000.000	24.701.000.000
Các khoản cho vay	-	2.780.000.000	-	2.780.000.000
Các khoản phải thu khác	3.000.000.000	12.285.475.092	3.000.000.000	12.285.475.092
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	10.500.000.000	6.700.000.000	10.500.000.000	6.700.000.000
Cộng	21.450.082.447	51.752.105.455	21.450.082.447	51.752.105.455
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	23.784.562.510	26.569.686.817	23.784.562.510	26.569.686.817
Phải trả người bán	14.101.203.530	313.093.040	14.101.203.530	313.093.040
Các khoản phải trả khác	33.890.688	51.719.615	33.890.688	51.719.615
Cộng	37.919.656.728	26.934.499.472	37.919.656.728	26.934.499.472

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Doanh nghiệp sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ THƯƠNG PHÚ

Địa chỉ: Bàn Kiến Xương, Xã Phông Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Doanh nghiệp chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Trong năm, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này.

Chi tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” được điều chỉnh lại như sau (xem thuyết minh VI.10):

	Số liệu theo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã soát xét năm trước		Số liệu điều chỉnh lại
	Mã số		
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.330	1.088

Người lập biểu

Phạm Thái Hà

Kế toán trưởng

Phạm Thái Hà

Lập ngày 23 tháng 8 năm 2018



Nguyễn Hữu Ái